

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục: Trường mầm non Tế Tiêu

1.2. Địa chỉ, trụ sở:

- Địa chỉ: TDP Tế Tiêu, Thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội.
- Email: mamnontetieu@gdmd.edu.vn
- Website: <https://mamnontetieu.edu.vn>

1.3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường mầm non công lập.

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:

- *Sứ mạng:*

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân

Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn-là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tính cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

- *Tầm nhìn:*

Duy trì ổn định về quy mô, chất lượng giáo dục; từng bước cải thiện môi trường giáo dục, nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Phấn đấu trở thành một trường học uy tín tại địa phương.

- *Mục tiêu:*

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Tích cực đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo phương pháp lấy trẻ làm trung tâm; ứng dụng phương pháp tiên tiến trên thế giới, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học và quản lý; tăng cường

các tổ chức hoạt động tập thể, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục trải nghiệm sáng tạo cho trẻ trong các hoạt động.

Củng cố và bảo quản tốt cơ sở vật chất, quy hoạch hợp lý, kiện toàn các trang thiết bị hiện có nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Cải tạo cảnh quan nhà trường khang trang - sạch - đẹp hơn, xây dựng môi trường an toàn và thân thiện.

Thực hiện đánh giá các hoạt động của nhà trường về công tác quản lý và giảng dạy theo quy định, có giải pháp định hướng thúc đẩy thông qua kiểm tra, đánh giá tổng kết.

Giữ vững trường chuẩn quốc gia mức độ 1 và Kiểm định chất lượng cấp độ 2. Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng, đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

Tăng cường thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục trong nhà trường.

1.5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường Mầm non Tế Tiêu được thành lập năm 1993. Trường được xây dựng mới và đưa vào sử dụng năm 2012. Nhà trường có 01 điểm chính đặt tại TDP Tế Tiêu với tổng diện tích 6940 m². Trong quá trình thành lập và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 giai đoạn Quyết định số 3108/QĐ-SGDĐT ngày 31/12/2024.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

1.6. Thông tin đại diện pháp luật

- Họ và tên: Đặng Thị Tâm
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường mầm non Tế Tiêu, TDP Tế Tiêu, Thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội
- Điện thoại: 0856057578
- Email: dangthitamnm@gmail.com

1.7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường:

Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 10/7/2009 của UBND huyện Mỹ Đức.

b) Quyết định kiện toàn Hội đồng trường:

Quyết định số 3951/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND huyện Mỹ Đức.

Danh sách thành viên Hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đặng Thị Tâm	Hiệu trưởng – Bí thư	Chủ tịch
2	Nguyễn Thị Xen	Phó PHT - CTCD	Phó chủ tịch
3	Nguyễn Thị Dung	PHT - PBT	Phó chủ tịch
4	Nguyễn Thị Phương Ái	Giáo viên	Thư ký
5	Nghiêm Thị Hiền	GV - TTCM	Ủy viên
6	Dương Thị Yên	GV - Phó CTCD	Ủy viên
7	Phạm Thị Hồng Lựu	GV - Tổ phó CM	Ủy viên
8	Liêu Thị Nhung	GV - Tổ phó CM	Ủy viên
9	Nguyễn Thị Hải	Tổ trưởng tổ nuôi dưỡng	Ủy viên
10	Lê Quang Hưng	Phó chủ tịch UBND xã	Ủy viên
11	Nguyễn Thị Thuý	Trưởng ban CMHS	Ủy viên

c) Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng

- Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 08/04/2021 của UBND huyện Mỹ Đức về việc bổ nhiệm lại giữ chức vụ Hiệu trưởng trường mầm non Tế Tiêu.

- Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của UBND huyện Mỹ Đức về việc điều động, luân chuyển về Trường mầm non Tế Tiêu giữ chức vụ Phó hiệu trưởng.

- Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 08/04/2016 của UBND huyện Mỹ Đức về việc Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường mầm non Tế Tiêu

d) Quy chế tổ chức và hoạt động (Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn) của nhà trường:

Xây dựng chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội địa phương, tầm nhìn và sứ mệnh của trường.

Thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ từ 12 tháng đến 6 tuổi theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Huy động trẻ em đến trường và tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật và có hoàn cảnh khó khăn.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

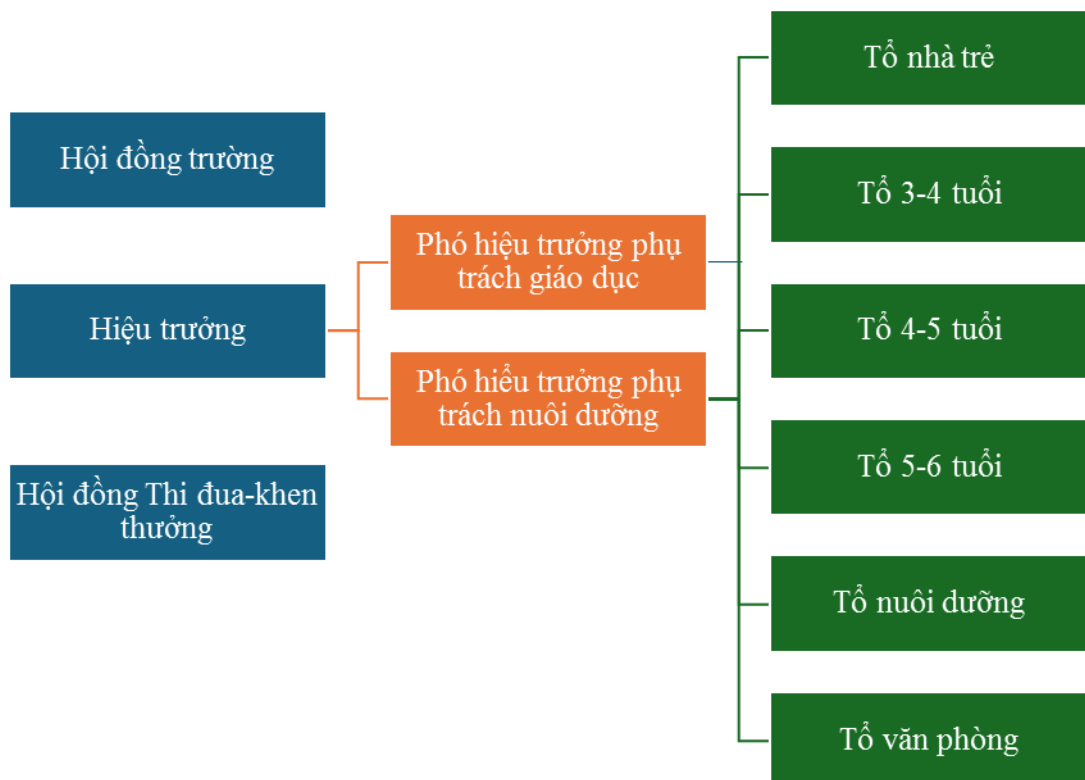
Quản lý và sử dụng các nguồn lực, xây dựng cơ sở vật chất theo chuẩn hóa.

Phối hợp với gia đình và cộng đồng để thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và nuôi dưỡng theo quy định.

Huy động trẻ em đến trường và hỗ trợ giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đồng thời hỗ trợ các cơ sở giáo dục khác trong việc nâng cao chất lượng giáo dục.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:



1.8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục.

- Chiến lược phát triển của nhà trường;
- Quy chế dân chủ của nhà trường;

- Quy chế thi đua-khen thưởng;
- Quy chế chi tiêu nội bộ;
- Quyết định thành lập các tổ và phân công công tác;
- Quy chế phối hợp giữa nhà trường và công đoàn.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

2.1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và hạng chức danh nghề nghiệp.

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng	Hạng của chức danh nghề nghiệp			HĐ NĐ 111
			Hạng I	Hạng II	Hạng III trở xuống	
1	Mầm non Tế Tiêu	53				
1.1	Lãnh đạo quản lý, điều hành	3		2	1	
1	Hiệu trưởng	1		1		
2	Phó Hiệu trưởng	2		1	1	
1.2	Công việc chuyên môn, nghiệp vụ	36				
1	Giáo viên	36	0	10	26	
1.3	Công việc chuyên môn dùng chung	2			1	
1	Kế toán	1			01	
2	Y tế học đường	1			01	
3	Văn thư kiêm thư viện	1			0	
1.4	Công việc hỗ trợ, phục vụ	12				12
1	Nhân viên Bảo vệ	3				3
2	Nhân viên Nấu ăn	9				9

2.2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp.

STT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024
-----	----------	---------------------

		Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
1	Cán bộ quản lý	3	0	0	0
	- Tỷ lệ	100%			
2	Giáo viên	19	13	4	0
	- Tỷ lệ	52,8%	36,1%	11,1%	

2.3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024
1	Cán bộ quản lý	03
-	Tỷ lệ	100%
2	Giáo viên	36
-	Tỷ lệ	100%
3	Nhân viên	14
-	Tỷ lệ	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	6940 m ²	19,1 m ² /trẻ
II	Số điểm trường	1	
III	Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng		Số m ² /trẻ em
1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ		
-	Phòng học (Nuôi dạy, chăm sóc trẻ)	16	60m ² /phòng (2,2m ² /trẻ)
-	Phòng vệ sinh	20	12m ² /phòng
-	Phòng ngủ	0	
2	Khối phòng phục vụ học tập		
-	Phòng thể chất	01	50 m ² /phòng
-	Phòng âm nhạc	01	50 m ² /phòng
-	Phòng Montessori	0	
3	Khối phòng tổ chức ăn		
-	Khu bếp ăn	01	2100 m ² /phòng
-	Nhà kho	01	10m ²
4	Khối phòng hành chính-quản trị		
-	Phòng hiệu trưởng	01	60m ²

-	Phòng phó hiệu trưởng	02	60m ²
-	Phòng y tế	01	60m ²
-	Phòng dành cho nhân viên	01	20m ²
-	Phòng hành chính quản trị	01	60m ²
-	Phòng hội đồng	01	120m ²
-	Phòng bảo vệ	01	14 m ²
-	Khu nhà để xe cho giáo viên	01	80m ²
IV	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	16	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
V	Tổng số đồ chơi, khu vui chơi ngoài trời		
1	Đồ chơi ngoài trời	15	
2	Khu vui chơi ngoài trời	2	
VI	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ công tác quản lý (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v..)	10	
VII	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		
1	Ti vi	16	
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	7	
3	Máy in	7	
4	Bàn ghế đúng quy cách	180 bộ	2 trẻ/bộ (1 bàn, 2 ghế)

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

4.1 Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá:

Trường mầm non Tế Tiêu căn cứ theo tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng GDMN được ban hành theo Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT.

Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, trường Mầm non Hùng Tiến tự đánh giá đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

- *Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:*

Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch tự đánh giá năm học 2024-2025.

4.2 Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm và những năm tiếp theo.

- *Kết quả đánh giá và công nhận:*

Trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 giai đoạn Quyết định số 3108/QĐ-SGDĐT ngày 31/12/2024.

- *Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm và những năm tiếp theo:*

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm 2024 – 2025.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục trong năm học 2024 – 2025:

- Nhà trường có kế hoạch tuyển sinh được phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt: trong đó có quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, thời gian tuyển sinh và các thông tin liên quan.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ rõ ràng

- Nhà trường xây dựng thực đơn của trẻ rõ ràng theo từng ngày (chia theo tuần chẵn, lẻ; có thực đơn mùa đông, mùa hè riêng).

- Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định: Nhà trường có liên kết với trung tâm tiếng anh Thiên tường Kids Tổ chức cho các con thuộc độ tuổi mẫu giáo 3-5 tuổi làm quen với tiếng anh (tự nguyện không ép buộc phụ huynh đăng ký cho con em mình).

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của năm học trước (Năm học 2023 – 2024)

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	14-24 tháng	25-36 tháng	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi

				tuổi	tuổi			
I	Tổng số trẻ em	393			88	119	82	104
1	Số trẻ em nhóm ghép	0						
2	Số trẻ em học 1 buổi/ ngày	0						
3	Số trẻ em học 2 buổi/ ngày	393			88	119	82	104
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	2				2		
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	393			88	119	82	104
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	393			88	119	82	104
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	393			88	119	82	104
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	388			87	118	80	103
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	3			1	1	1	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	391			88	118	81	104
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	3			0	2	1	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	2			0	0	1	1
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	393						
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	88			88			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	305				119	82	104

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

(ĐVT: đồng)

STT	Nội dung	Quyết toán chi NSNN (năm tài chính 2024)	Chi NSNN	
			(Năm tài chính 2025)	
			Dự toán	Ước thực hiện
1	Chi thường xuyên	7,942,729,500	9,558,214,000	9,558,214,000
1.1	<i>Chia theo nguồn:</i>	7,942,729,500	9,558,214,000	9,558,214,000
1.1.1	Nguồn NSNN	6,979,581,000	8,836,038,000	8,836,038,000
1.1.2	Nguồn phí, lệ phí để lại	963,148,500	722,176,000	722,176,000
1.1.3	Nguồn khác	0	0	0
1.2	<i>Chia theo nhóm chi:</i>	7,942,729,500	9,558,214,000	9,558,214,000
1.2.1	Chi thanh toán cá nhân	7,104,306,600	8,466,106,000	8,466,106,000
1.2.2	Chi hàng hóa dịch vụ	189,431,800	265,000,000	265,000,000
1.2.3	Chi hỗ trợ và bổ sung	2,880,000	1,440,000	1,440,000
1.2.4	Các khoản chi khác	646,111,100	825,668,000	825,668,000.00
2	Các khoản thu và mức thu đối với người học (bao gồm học phí, lệ phí và tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học	2,690,096,500	3,117,534,000	3,117,534,000
2.1	- Học phí	963,148,500	722,176,000	722,176,000
2.2	- Tiền ăn (20 nghìn/ngày)	1,091,908,000	1,557,000,000	1,557,000,000
2.3	- Tiền chăm sóc bán trú	486,300,000	731,790,000	731,790,000
2.4	- Tiền trang thiết bị bán trú	55,050,000	69,200,000	69,200,000
2.5	- Tiền học phẩm	55,050,000	0	0
2.6	- Tiền nước uống	38,640,000	37,368,000	37,368,000
3	Chính sách và kết quả thực hiện về trợ cấp và miễn giảm học phí	2,605,000	3,906,000	3,906,000
4	Số dư quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Quỹ phát triển HDSN	0	0	0

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC.

1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trường mầm non

Ban Giám hiệu nhà trường chủ động nghiên cứu, chỉ đạo và triển khai các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho giáo viên. Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực, chọn lựa giáo viên có phẩm chất đạo đức và năng lực sư phạm làm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn. Đẩy mạnh kiểm tra, đánh giá quy chế chuyên môn, hồ sơ giáo viên và công tác bồi dưỡng. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ chuyên môn, chăm lo đời sống cho giáo viên và nhân viên.

2. Thực hiện các kế hoạch, đề án.

Nhà trường xác định rõ mục tiêu đề án, lập kế hoạch chi tiết và phân công công việc cho các thành viên. Đến nay, các kế hoạch đều được thực hiện đúng tiến độ.

3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế.

Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế được nhà trường chú trọng phát triển, tăng cường hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp và đối tác quốc tế, tạo điều kiện cho học sinh, giáo viên nâng cao trình độ và tiếp cận cơ hội học hỏi, phát triển trong môi trường toàn cầu.

4. Tăng cường ứng dụng CNTT.

Nhà trường triển khai chuyển đổi số trong quản lý giáo dục giai đoạn 2022-2025, xây dựng kho tài liệu trực tuyến trên website và áp dụng các phần mềm quản lý như bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, cơ sở dữ liệu ngành, đánh giá hàng tháng và chuẩn nghề nghiệp giáo viên, phần mềm tính khẩu phần ăn, công chức viên chức. Ứng dụng CNTT hiệu quả trong quản lý hồ sơ, báo cáo và thống kê theo quy định.

Nhà trường khuyến khích giáo viên sử dụng phần mềm giáo dục trong thiết kế bài giảng điện tử và tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ.

5. Công tác truyền thông

Công tác truyền thông được đẩy mạnh qua các kênh như bảng tin, facebook Zalo lớp và website trường để tuyên truyền, phổ biến kiến thức về nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thị Tâm

